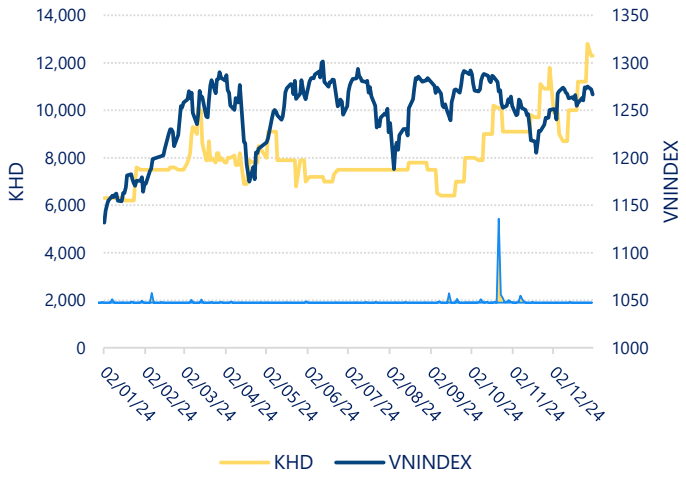
CTCP Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương (UPCOM:

KẾT QUẢ KINH DOANH

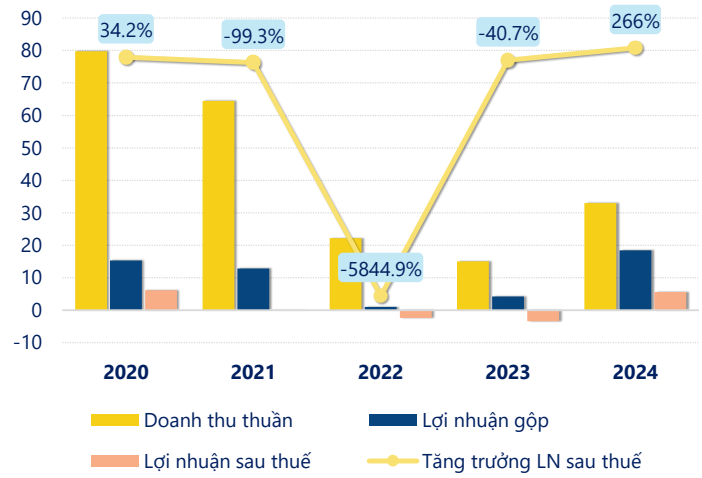
Ngày 31/12/2024	12,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	24.2%	**55.7%**	**64.0%**

Lịch sử giá



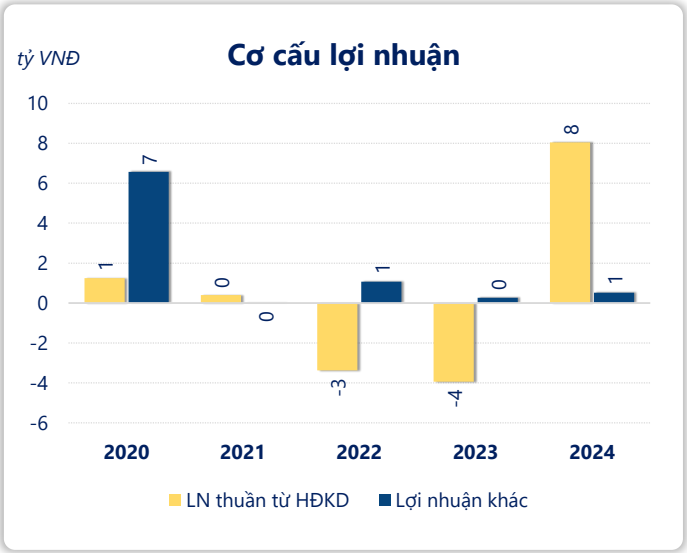
	2024	YoY
DT thuần	**33.0** *tỷ VNĐ*	▲ 17.9 ▲ 119%
LN gộp	**18.4** *tỷ VNĐ*	▲ 14.1 ▲ 333%
LN thuần	**8.05** *tỷ VNĐ*	▲ 12.0 ▲ 304%
LN sau thuế	**5.62** *tỷ VNĐ*	▲ 9.01 ▲ 266%
ROE	**14.3%**	+/- YoY ▲ 23.2%
ROA	**10.1%**	+/- YoY ▲ 16.6%

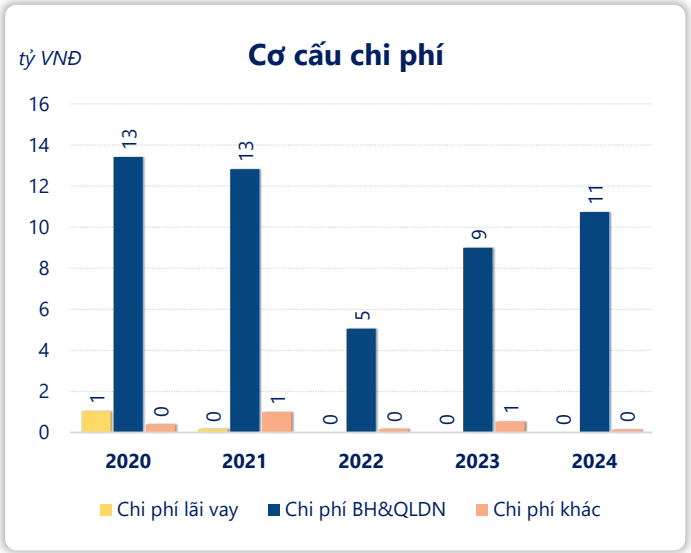
Kết quả kinh doanh



Kết quả kinh doanh **KHD** năm **2024**, doanh thu thuần **tăng mạnh 119%** đạt **32.97** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế **tăng mạnh 266%** đạt **5.62** tỷ đồng.

Hoạt động kinh doanh của công ty có sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, cùng với **ROE** khá tốt là **14.3%** cho thấy công ty đang phát triển và có hiệu quả hoạt động ổn định.

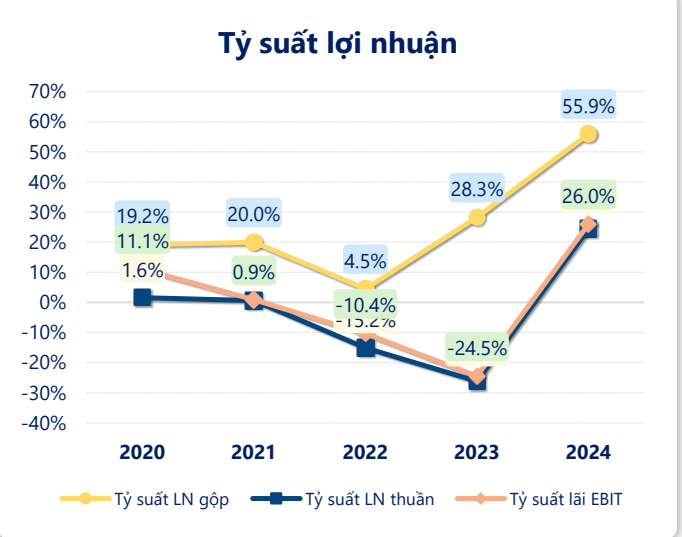


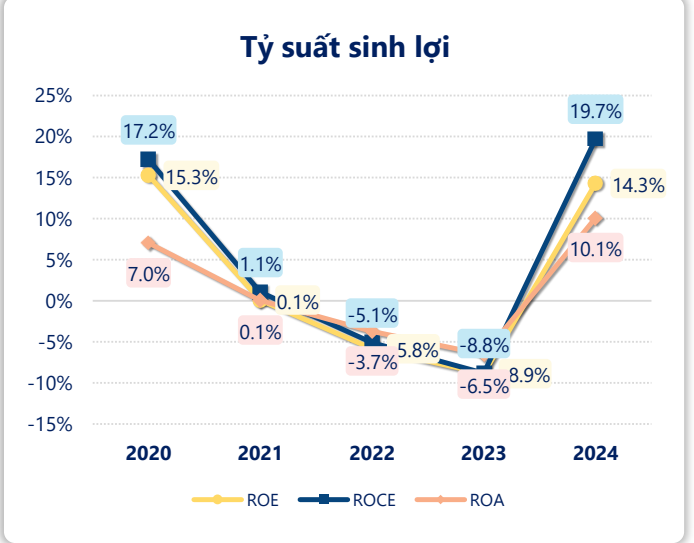


Năm **2024**, **KHD** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **8.05** tỷ đồng, **tăng lên 11.99** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (0.48 tỷ đồng) là 7.57 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

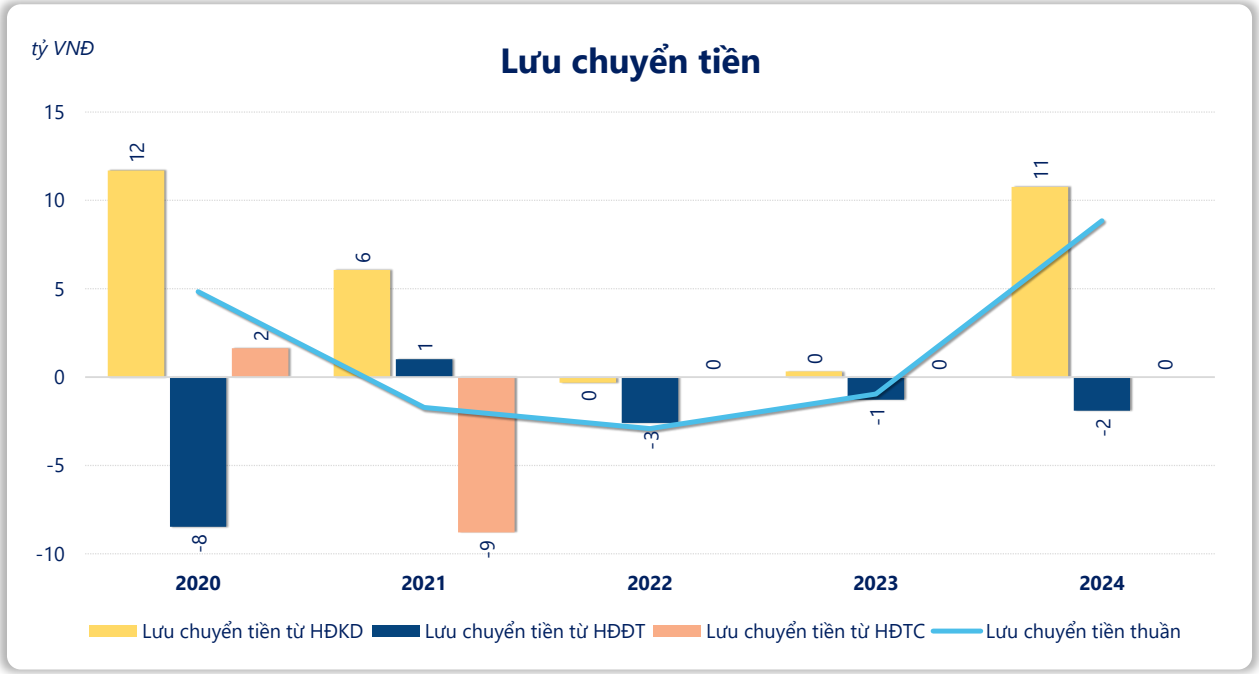
Chi phí lãi vay không đổi so với năm trước bằng **0.00** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên** ở mức **10.74** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.14** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của KHD năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **14.3%**, **cao hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**79.8**	**64.5**	**22.2**	**15.1**	**33.0**
Giá vốn hàng bán	64.5	51.6	21.2	10.8	14.5
Lợi nhuận gộp	**15.3**	**12.9**	**1.00**	**4.26**	**18.4**
Doanh thu HĐTC	0.42	0.53	0.68	0.80	0.34
Chi phí TC	1.05	0.17	0	0	0
Chi phí lãi vay	**1.05**	**0.17**	**0**	**0**	**0**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.77	2.69	0.49	0.00	0
Chi phí QLDN	9.65	10.1	4.56	8.99	10.7
LN thuần từ HĐKD	**1.25**	**0.40**	**-3.37**	**-3.94**	**8.05**
Lợi nhuận khác	6.57	-0.02	1.07	0.26	0.52
LN trước thuế	**7.82**	**0.38**	**-2.30**	**-3.69**	**8.57**
Lợi nhuận sau thuế	**6.16**	**0.04**	**-2.41**	**-3.39**	**5.62**
LNST của CĐ cty mẹ	**6.16**	**0.04**	**-2.41**	**-3.39**	**5.62**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của KHD bằng **8.85** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-0.96 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **10.75** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-1.91** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **0.00** tỷ đồng.